

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Lam

Bà Huỳnh Thị Châu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 133/1A, ấp B, xã G2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* Anh Vũ Triều Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 187/Đ, ấp Phúc Nhạc 1, xã G 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(chị N anh Đ vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Võ Thị Kim N trình bày:***

Chị Võ Thị Kim N và anh Vũ Triều Đ tự nguyện quen biết tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G 3, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ đầu năm 2020 nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp

nên thường xuyên to tiếng xúc phạm nhau. Anh Đ hay ghen tuông vô cớ nghi ngờ chị N không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, chị N đã nhiều lần giải thích nhưng anh Đ không nghe nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Mặt khác, anh Đ hay tụ tập bạn bè uống rượu say xỉn, khi say do không làm chủ được bản thân mình nên hay chửi bới xúc phạm vợ con và đập phá tài sản trong gia đình. Việc anh Đ đập phá tài sản chị N đã trình báo ra công an xã G 3 nhờ can thiệp. Từ tết âm lịch năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi nơi khác sống. Từ đó, anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Triều Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 04 con chung là Vũ Triều C, sinh ngày 30/9/2008; Vũ Đức C, sinh ngày 15/10/2010; Vũ Ngọc T, sinh ngày 20/11/2014 và Vũ Ngọc T2, sinh ngày 13/5/2018. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi T và cháu T và đồng ý giao cháu Cvà cháu C cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo bản tự khai ngày 16/12/2020 của anh Vũ Triều Đ trình bày:***

Anh Đ và chị N tự nguyện quen biết tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G 3, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2004 như chị N trình bày là đúng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đầu năm 2020 nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên to tiếng xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, anh Đ nghi ngờ chị N không chung thủy trong quan hệ vợ chồng tuy nhiên không có bằng chứng gì để cung cấp cho Tòa án. Theo anh Đ do giao lưu quan hệ bạn bè nên thỉnh thoảng anh có uống rượu, khi say do không làm chủ được bản thân mình nên anh có xúc phạm danh dự nhân phẩm chị N. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tết âm lịch năm 2020 đến nay chị N bỏ nhà đi nơi khác sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không khắc phục được. Đến nay anh đã không còn biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên bản thân anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 04 con chung là Vũ Triều C, sinh ngày 30/9/2008; Vũ Đức C, sinh ngày 15/10/2010; Vũ Ngọc T, sinh ngày 20/11/2014 và Vũ Ngọc T2, sinh ngày 13/5/2018. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi cháu C và cháu T, đồng ý giao cháu C và cháu T cho chị N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim N được ly hôn với anh Vũ Triều Đ;

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc T và Vũ Ngọc T2 cho chị Võ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao các cháu Vũ Triều C và Vũ Đức C cho anh Vũ Triều Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Vũ Triều Đ cư trú tại xã G 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn chị Võ Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Triều Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Kim Nga và anh Vũ Triều Đại tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N, anh Đ tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N cho rằng anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, hay tụ tập bạn bè uống rượu say xỉn rồi đập phá đồ đạc trong gia đình và đuổi

đánh chị N nên đã làm tổn thương chị đến mức không còn tình cảm để về chung sống.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ trình bày anh nghi ngờ chị N không chung thủy trong quan hệ vợ chồng tuy nhiên, anh cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc chị N có quan hệ tình cảm với người khác như trình bày. Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà thường xuyên gây gổ, tranh cãi làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng. Tại Tòa án, ý kiến của anh Đ không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nhưng anh Đ đều vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú: Tại các biên bản xác minh ngày 25/02/2021, đại diện Công an xã G 3 cho biết chị N liên hệ Công an xã để nhờ can thiệp việc anh Đ đập phá đồ đạc trong gia đình. Công an xã đã lập biên bản ghi nhận hiện trường về sự việc trên tuy nhiên đến thời điểm Tòa án xác minh thì chị N vẫn chưa làm đơn tố cáo nên công an xã G 3 chưa có cơ sở xử lý anh Đ.

Tại bản tự khai đề ngày 22/12/2020, chị Lê Thị H là hàng xóm sống gần nhà anh Đ, chị N cho biết vợ chồng chị Nanh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ là người siêng năng tuy nhiên khi làm ra tiền thì anh Đ chơi lô đề và tụ tập bạn bè uống rượu hết. Chị H là người chứng kiến việc anh Đ cầm dao rượt đuổi chị N và phá tài sản trong gia đình.

Xét nguyện vọng của chị Nga xin ly hôn với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh Đ không hạnh phúc, cuộc sống anh chị đã thiếu sự tôn trọng, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] *Về con chung*: Chị N và anh Đ có 04 con chung là các cháu Vũ Triều C sinh ngày 30/9/2008, Vũ Đức C sinh ngày 15/10/2010; Vũ Ngọc T sinh ngày 20/11/2014 và Vũ Ngọc T2 sinh ngày 13/5/2018.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc Trâm và cháu Vũ Ngọc Trúc, nhận thấy*: Hiện cháu T2 và cháu T sống cùng chị N, cháu T dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao con chung là cháu T2 và cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Hiện cháu Vũ Triều C và cháu Vũ Đức C đang sống trực tiếp cùng anh Đ, nguyện vọng của hai cháu là được sống với anh Đ và được nguyên đơn đồng ý. Do đó, cần tiếp tục giao con chung là cháu C và cháu C cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Tạm thời các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N, anh Đ xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí:** Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Võ Thị Kim N.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Võ Thị Kim N và anh Vũ Triều Đ được ly hôn.

2. *Về con chung:*

Giao các cháu Vũ Ngọc T sinh ngày 20/11/2014 và Vũ Ngọc T2, sinh ngày 13/5/2018 cho chị Võ Thị Kim N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao các cháu Vũ Triều C sinh ngày 30/9/2008, Vũ Đức C sinh ngày 15/10/2010 cho anh Vũ Triều Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Võ Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006362 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Lan**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thùy Trang**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thùy Trang**







## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Quang Phúc**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, - tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhac 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

### **1. Về điều luật áp dụng:**

\* *Ý kiến của HTND Thom:* Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

\* *Ý kiến của HTND - Thúy:* Nhất trí với ý kiến của HTND - Thom.

\* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa:* Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

### **2. Về nội dung:**

\* *Ý kiến của HTND - Thúy:*

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

\* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

\* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**